

Số: 2348/LĐTBXH-KHTC
V/v xây dựng kế hoạch phát triển
ngành LĐTBXH năm 2017

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2016

Kính gửi: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, Bộ yêu cầu Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch năm 2017 theo các nội dung sau:

1. Yêu cầu trong xây dựng Kế hoạch năm 2017

Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2016; so sánh kết quả thực hiện 2016 với cùng kỳ năm 2015 và kế hoạch năm 2016 trên địa bàn các tỉnh, thành phố. Yêu cầu việc đánh giá phải sát thực, đúng thực chất kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; làm nổi bật những kết quả đã đạt được; làm rõ tồn tại và khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm; phân tích nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế; ước thực hiện cả năm và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong những tháng cuối năm.

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016, dự báo xu hướng phát triển, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển của các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành để xác định các giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực có thể xảy ra đối với kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo ổn định an sinh xã hội, đời sống nhân dân trên địa bàn.

Việc xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển lĩnh vực của ngành năm 2017 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020, gắn kết với khả năng cân đối nguồn lực và khả năng thực hiện của các cấp để đảm bảo tính khả thi và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Đồng thời, phải đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống và có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp; bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực, ngân sách; đảm bảo tiến độ, thời gian và biểu mẫu quy định.

2. Định hướng mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch năm 2017

2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu giai đoạn 2016 -2020

2.1.1. Mục tiêu chủ yếu

a) Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tạo chuyên biến rõ rệt về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng

cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả đối ngoại, đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

b) Mục tiêu cụ thể

- (1). Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%.
- (2). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57% (trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ là 22,5%).
- (3). Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm bình quân khoảng 1,0 - 1,5%/năm; trong đó, các huyện nghèo giảm 4%/năm.

2.1.2. Chỉ tiêu ngành

- (1). Tạo việc làm, phát triển thị trường lao động:

- Giải quyết việc làm cho 1.500 – 1.600 nghìn người, gồm: Tạo việc làm trong nước cho 1.490-1.500; số người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng là 100 nghìn người).

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội trong lực lượng lao động đạt 25-26%.

- (2) Giáo dục nghề nghiệp:

- Tuyển mới dạy nghề 2,15 triệu người, trong đó: Trình độ trung cấp và cao đẳng là 250 nghìn người; trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng 1.900 nghìn người (trong đó, hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Quyết định 1956/QĐ-TTg là 600 nghìn người, bao gồm hỗ trợ dạy nghề cho khoảng 60.000 người người khuyết tật).

(3) 98,6% hộ gia đình chính sách người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú; 98,9% xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công.

(6) Bảo đảm 100% các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội được thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội và các chính sách xã hội liên quan; 86% người khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ xã hội dưới các hình thức khác nhau.

(7) 87% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp; 82% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

(8) Tỷ lệ số người nghiện được điều trị so với số người nghiện có hồ quản lý là 78%; Giảm tỷ lệ điều trị bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện xuống 14%.

(9) Số người bán dâm được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ xã hội khoảng 15.000 người; hỗ trợ vay vốn, tạo việc làm cho 5.000 người.

2.2. Nhiệm vụ chủ yếu về Lao động, Người có công và Xã hội năm 2017

2.2.1. Thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án về tạo việc làm, nâng cao chất lượng việc làm; hỗ trợ chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp; nâng cao và cải thiện điều kiện làm việc cho lao động trong khu vực phi chính thức, thúc đẩy chuyển dịch sang khu vực chính thức; hỗ trợ tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế, nhất là lao động nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động là người khuyết tật. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm, đặc biệt là phát huy vai trò trung tâm của các Trung tâm Dịch vụ việc làm khu vực trong kết nối giữa các địa phương có nhu cầu về nguồn lao động với các địa phương có nguồn lao động lớn; tăng tần suất, nâng cao hiệu quả tổ chức sàn giao dịch việc làm tại địa phương; kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho mọi người dân nắm rõ về các quy định, chính sách của nhà nước, của địa phương về hỗ trợ người lao động khi tham gia xuất khẩu lao động; chủ động phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với các doanh nghiệp xuất khẩu lao động trong tuyển chọn nguồn, đào tạo và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tăng cường đào tạo nghề, nâng cao chất lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài, đáp ứng yêu cầu của một số thị trường lao động như Nhật Bản, Đài Loan, Trung Đông... Tăng cường tuyên truyền, vận động lao động Việt Nam ở Hàn Quốc thực hiện đúng hợp đồng, về nước đúng hạn nhằm giảm tỷ lệ lao động bỏ trốn. Kiểm tra, thanh tra hoạt động của doanh nghiệp xuất khẩu lao động; xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm quy định của nhà nước; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan kịp thời phát hiện và xử lý những tiêu cực, lừa đảo trong hoạt động xuất khẩu lao động.

Tăng cường tuyên truyền, vận động, giáo dục người lao động về ý thức chấp hành các quy định của pháp luật lao động; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách, chế độ về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, xuất khẩu lao động. Tăng cường thực hiện cơ chế đối thoại và thỏa thuận về tiền lương, quan hệ lao động giữa các bên, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ. Chủ động theo dõi, nắm bắt phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lấn công của người lao động.

Tăng cường quản lý nhà nước về công tác an toàn - vệ sinh lao động, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Tăng đầu tư cho hoạt động phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, hỗ trợ duy trì khả năng tham gia lao động cho người lao động sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người lao động tham gia cải thiện điều kiện và môi trường lao động giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Rà soát các quy định, quy trình cấp phép cho lao động người nước ngoài làm việc tại Việt Nam tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư trong sử dụng lao động

người nước ngoài cũng như công tác quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam của các cơ quan quản lý nhà nước.

2.2.2. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo. Huy động nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng dạy nghề. Đẩy mạnh đào tạo nhân lực chất lượng cao; phát triển đa dạng các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; tăng cường đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho người khuyết tật. Rà soát, kiểm tra, đánh giá các cơ sở dạy nghề theo các tiêu chí cụ thể; đề xuất giải pháp sắp xếp các cơ sở dạy nghề theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của xã hội về học nghề, lập nghiệp; thông tin cho xã hội về hiệu quả hoạt động dạy nghề, kết quả đào tạo nghề trên các trang tin điện tử; hình thành các bộ phận chuyên trách làm công tác tư vấn, hướng nghiệp cho người học nghề.

2.2.3. Xử lý dứt điểm các trường hợp tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công, đặc biệt đối với liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh trong chiến tranh không còn giấy tờ, người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị ảnh hưởng bởi chất độc hóa học.

Đẩy mạnh thực hiện Đề án “Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin”; Quy hoạch, đầu tư nâng cấp các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, chỉnh hình - phục hồi chức năng đáp ứng yêu cầu điều trị, phục hồi chức năng, sức khỏe cho người có công. Đầu tư, tôn tạo các Nghĩa trang Liệt sỹ, công trình tưởng niệm liệt sỹ.

Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công”, huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng.

2.2.4. Đổi mới chính sách giảm nghèo, từ tiếp cận đơn chiều (dựa vào thu nhập) sang đa chiều (dựa vào các yếu tố khác ngoài thu nhập). Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, tập trung nguồn lực trước hết vào thực hiện ở những nơi khó khăn nhất, nghèo nhất để giảm nghèo bền vững; tổng kết các mô hình giảm nghèo, an sinh xã hội đã và đang thực hiện có hiệu quả ở địa phương để có cơ sở hoàn thiện và nhân rộng. Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các chính sách giảm nghèo hướng tới thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, nhất là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; chuyển dần sang hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo... Nhân rộng các mô hình hỗ trợ sinh kế, hỗ trợ sản xuất, giảm nghèo bền vững có hiệu quả.

2.2.5. Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội: rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội phù hợp với thực tiễn đất nước và hội

nhập quốc tế; mở rộng đối tượng, nâng dần mức trợ cấp xã hội thường xuyên phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Xây dựng mức sống tối thiểu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội làm căn cứ xác định người thuộc diện được hưởng trợ giúp xã hội. Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội, hình thành hệ thống cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội chuyên nghiệp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của đối tượng bảo trợ xã hội theo hướng phát hiện sớm, can thiệp, trợ giúp kịp thời những người dân có vấn đề xã hội; tiếp nhận đối tượng trong trường hợp khẩn cấp, ngắn hạn; hỗ trợ chăm sóc và phục hồi đối tượng tại gia đình, cộng đồng. Phát triển đa dạng các hình thức từ thiện, nhân đạo phi Chính phủ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận để hỗ trợ, chăm sóc đối tượng dựa vào cộng đồng, tạo điều kiện, cơ hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, hòa nhập tốt hơn vào cộng đồng. Thực hiện tốt công tác hỗ trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời.

2.2.6. Tổ chức thực hiện tốt các chương trình, dự án về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em; tạo sự chuyển biến tích cực về cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, đồng thời mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ và phúc lợi xã hội dành cho trẻ em. Hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước giảm khoảng cách chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm trẻ em và trẻ em giữa các vùng, miền. Nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi trẻ em.

2.2.7. Bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, phán đấu thu hẹp rõ rệt khoảng cách giới; nâng vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực, địa bàn trọng điểm có bất bình đẳng giới hoặc nguy cơ có sự mất bình đẳng giới cao; đảm bảo sự bình đẳng của phụ nữ trong tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội và gia đình. Lồng ghép, đưa các nhiệm vụ về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành, cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu và gắn với nguồn lực nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới; tăng cường công tác giáo dục truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của mọi người dân, đặc biệt là phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người về bình đẳng giới, pháp luật về các quyền của phụ nữ để họ tự bảo vệ mình; phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành động bạo lực xâm hại phụ nữ.

2.2.8. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, dự án về cai nghiện ma túy; phòng, chống mại dâm và buôn bán người.

Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai và phòng, chống tệ nạn mại dâm: Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong quản lý người nghiện ma túy. Đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ điều trị nghiện; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; phát triển mạng lưới các cơ sở điều trị thay thế bằng thuốc Methadone và các phương pháp điều trị khác; nhân rộng các mô hình cai nghiện

và quản lý sau cai có hiệu quả tại cộng đồng; tăng cường quản lý, tu ván, trợ giúp người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng, phòng chống tái nghiện. Tăng cường quản lý địa bàn, không để tệ nạn mại dâm bùng phát gây bức xúc xã hội; xây dựng, thí điểm các mô hình để từng bước hình thành hệ thống cung cấp dịch vụ hỗ trợ người bán dâm tại cộng đồng trong việc tư vấn tâm lý, pháp lý, sức khỏe, phòng chống HIV/AIDS, trợ giúp xã hội nhằm tạo cơ hội cho người bán dâm tái hòa nhập cộng đồng bền vững.

2.2.8. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; giảm và loại bỏ những thủ tục hành chính rườm rà, chồng chéo đối với các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp, người dân, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước; tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động, người có công và xã hội; phát triển các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 và các ứng dụng hỗ trợ doanh nghiệp, người dân.

3. Cùng với thuyết minh đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2016, Bộ yêu cầu các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp đầy đủ số liệu thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố theo Biểu mẫu kèm theo công văn này.

4. Để đảm bảo yêu cầu tiến độ theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ yêu cầu Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 đúng nội dung, yêu cầu và gửi về Bộ trước ngày 15/7/2016, đồng thời gửi thư điện tử theo địa chỉ e-mail: **phongkh@molisa.gov.vn**.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đơn vị phản ánh về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại 04.38.269.544/ 04.39.364.160) để được hướng dẫn thêm./. 

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Công thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Đàm